TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17/04/2026
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bá Tự và bà Phan Thị Thuý Hằng

- Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Rum Ba - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 37/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2026 về *"Tranh chấp ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 20 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 17/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026, giữa:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

*Bị đơn: Ông Ngô Minh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn H, xã T, tỉnh Đắk Lắk. Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cũ nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông T nhiều lần đánh đập bà L, bà L cố gắng chịu đựng vì các con còn nhỏ. Tuy nhiên, thời gian sống chung, ông T không có thay đổi, sống gia trưởng, ghen tuông, không cho bà L đi làm kiếm tiền nuôi con, quản lý chuyện tiền bạc chi tiêu trong gia đình và đánh đập bà L khi xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn kéo dài, bà L không thể chịu đựng được nữa vì sống lo sợ việc bị ông T đánh, ông T có lần chặn đường đi làm và xuống chỗ bà L làm để đánh

đập. Nay bà L thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong Toà án sớm giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 28/01/2003 và Ngô Nguyễn Lan H, sinh ngày 08/7/2008 , hiện nay cháu V đã thành niên có khả năng tự lao động tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Toà án giải quyết, riêng cháu H đang sống với vợ chồng, ly hôn bà L xin nuôi cháu H, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn Ngô Minh T đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần, ông T có mặt tại địa phương, nhận biết nội dung khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng.

Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn, xin nuôi con chung cháu Ngô Nguyễn Lan H, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn vắng mặt, không trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn Ngô Minh T, có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Ngô Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L xin được ly hôn với ông Ngô Minh T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Ngô Minh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên cũ nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk tại giấy chứng nhận kết hôn số 44/2002 ngày 09/10/2002 theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà L trình bày, giữa bà L và ông T trước đây đã mâu thuẫn rất nhiều lần, vì lý do ông T vũ phu, dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn gia đình, sự việc kéo dài, trước đây vì con nhỏ nên bà L cố gắng níu kéo hôn nhân để có gia đình cho các con hạnh phúc.

Lời khai của nguyên đơn phù hợp các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Cụ thể vào năm 2024 bà L có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa (cũ), nhưng ông T muốn hàn gắn nên bà đã rút đơn và được Tòa án đình chỉ theo quyết định số 81/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2024. Sau đó vợ chồng sống chung nhưng ông T không thay đổi bản tính, vì lo sợ sự việc kéo dài ảnh hưởng sức khỏe, tính mạng, công việc bản thân nên bà L tiếp tục nộp đơn xin ly hôn.

Tại đơn xin xác nhận ngày 11/3/2026 Trưởng thôn Hội Cư, xã T xác nhận giữa bà L và ông T có mâu thuẫn đánh đập như nội dung nguyên đơn trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T được Tòa án thông báo giấy triệu tập, văn bản tố tụng nhiều lần để biết việc bà L xin ly hôn và tham gia quá trình tố tụng nhưng đều vắng mặt, không nộp cho Tòa án văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L là thể hiện ý thức từ bỏ, mặc kệ, không muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, xây dựng gia đình hạnh phúc với bà L.

Theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được"*. Căn cứ đơn ly hôn và các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà L và ông T đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, trách nhiệm, nghĩa vụ vợ chồng không được đối xử tôn trọng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 28/01/2003 và Ngô Nguyễn Lan H, sinh ngày 08/7/2008, hiện nay cháu V đã trưởng thành nên các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu H có nguyện vọng sống với mẹ, bà L có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của bà L, là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp quy định pháp luật tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Giao con chung Ngô Nguyễn Lan H, sinh ngày 08/7/2008 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà L không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 26 và 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L xin ly hôn với bị đơn Ngô Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim L được ly hôn với ông Ngô Minh T.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thanh V, sinh ngày 28/01/2003 và Ngô Nguyễn Lan H, sinh ngày 08/7/2008. Con Ngô Thanh V đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao con chung Ngô Nguyễn Lan H cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

4. Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp tạm ứng án tại biên lai thu tiền số 0001558 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trương Thị Thu Hiền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Tây Hoà (CNKH số 44/2002 ngày 09/10/2002 của UBND xã Hòa Tân Tây cũ);
- Các đương sự;
- Lưu HS.